| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **448**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2022
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Văn Thanh;

Ông Trần Văn Triều.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 18/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 248/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2021 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1139/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Phạm Thanh H, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 646 đường Trường Chinh, Phường X, quận TB, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Công M, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số #2 – 1315 Scenic Drive South Lehbridge Alberta Canada, T1K 1M2, Canada.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Huỳnh Phạm Thanh H trình bày:*

Bà Huỳnh Phạm Thanh H và ông Bùi Công M tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2015 vào sổ đăng ký kết hôn số 1264 quyển số 07 ngày 22/5/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng làm thủ tục xuất cảnh sang nước Canada sinh sống nhưng hồ sơ không được chấp nhận, từ đó vợ chồng không sống chung, bà Huỳnh Phạm Thanh H sinh sống tại Việt Nam, ông Bùi Công M sinh sống tại Canada. Do không sống chung nên vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình

cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có hạnh phúc và không còn tình cảm yêu thương nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Huỳnh Phạm Thanh H yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Công M.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Đối với bị đơn ông Bùi Công M:*

Tại bản khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 18/11/2021, ông Bùi Công M trình bày thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng như bà Huỳnh Phạm Thanh H trình bày. Ông Bùi Công M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh Phạm Thanh H, về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Bùi Công M trình bày không có.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bà Huỳnh Phạm Thanh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Bùi Công M đang cư trú tại nước Canada, không thể tham gia phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân gia đình theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Phạm Thanh H tại Việt Nam, ông Bùi Công M yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử vắng mặt ông Bùi Công M.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

***Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:***

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Phạm Thanh H yêu cầu ly hôn đối với bị đơn ông Bùi Công M, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Bùi Công M đang cư trú tại nước Canada nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

***Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Huỳnh Phạm Thanh H, bị đơn ông Bùi Công M tại phiên tòa sơ thẩm:***

Bà Huỳnh Phạm Thanh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Bùi Công M có bản khai yêu cầu xét xử vắng mặt đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 18/11/2021. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Huỳnh Phạm Thanh H và ông Bùi Công M theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

***Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Phạm Thanh H đối với bị đơn ông Bùi Công M, xét thấy:***

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2015 vào sổ đăng ký kết hôn số 1264 quyển số 07 ngày 22/5/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Huỳnh Phạm Thanh H và ông Bùi Công M; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Phạm Thanh H và ông Bùi Công M là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Huỳnh Phạm Thanh H yêu cầu ly hôn ông Bùi Công M với lý do sau khi kết hôn, vợ chồng làm thủ tục xuất cảnh sang nước Canada sinh sống nhưng hồ sơ không được chấp nhận, từ đó vợ chồng không sống chung, bà Huỳnh Phạm Thanh H sinh sống tại Việt Nam, ông Bùi Công M sinh sống tại Canada. Do không sống chung nên vợ chồng không thể quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có hạnh phúc và không còn tình cảm yêu thương nhau. Đối với ông Bùi Công M cũng thừa nhận trình bày của bà Huỳnh Phạm Thanh H là đúng và đồng ý ly hôn bà Huỳnh Phạm Thanh H. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Huỳnh Phạm Thanh H và ông Bùi Công M không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Phạm Thanh H ly hôn ông Bùi Công M theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Phạm Thanh H và ông Bùi Công M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Phạm Thanh H phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Phạm Thanh H đối với ông Bùi Công M:

**1.** *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Huỳnh Phạm Thanh H ly hôn ông Bùi Công M.

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/5/2015 vào sổ đăng ký kết hôn số 1264 quyển số 07 ngày 22/5/2015 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho bà Huỳnh Phạm Thanh H và ông Bùi Công M không còn giá trị pháp lý khi từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**2.** *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

**3.** *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

**4.** *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Huỳnh Phạm Thanh H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Huỳnh Phạm Thanh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001132 ngày 01/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

**5.** *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Huỳnh Phạm Thanh H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Bùi Công M vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND TPH (Sở Tư pháp);
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**
**Phan Trịnh Minh Đức**

- Lưu: HS, VT.